TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 373/2023/DS-PT Ngày 12-9-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLPT-DS ngày 04/5/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1995; địa chỉ: số 152, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2020), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 89, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 161/24/1, đường P, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2021), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Đầu tháng 8/2020, do cần tiền gấp để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khi chưa hoàn tất thủ tục để vay tiền từ Ngân hàng nên vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P vay của bà Nguyễn Thị D nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

+ Ngày 01/8/2020, vợ chồng ông H, bà P vay của bà D 02 lần theo 02 "Giấy mượn tiền" với số tiền là 2.300.000.000 đồng và 3.800.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và thời hạn trả;

+ Ngày 06/8/2020, vợ chồng ông H, bà P tiếp tục vay của bà D số tiền là 1.600.000.000 đồng; và ngày 28/8/2020, vay của bà D số tiền là 3.000.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và hẹn đến ngày 17/9/2020 trả lại cho bà D. Tuy nhiên cho đến nay ông H, bà P vẫn chưa trả cho bà D khoản vay nào. Việc vay mượn trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau, không có người làm chứng.

Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền đã vay là 10.700.000.000 đồng;

+ Buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị D đối với số tiền gốc chưa trả tạm tính từ ngày 18/9/2020 đến ngày 18/12/2020 theo mức lãi suất là 10%/năm với số tiền là 267.500.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà P và ông H thống nhất nợ bà D số tiền 4.600.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 06/8/2020 và ngày 28/8/2020; thời hạn trả là ngày 17/9/2020, tuy nhiên do khó khăn nên hiện nay vợ chồng bà P, ông H chỉ trả được số tiền 205.000.000 đồng và vẫn chưa trả được số tiền 4.395.000.000 đồng cho bà D.

Riêng đối với số tiền 6.100.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 01/8/2020, thì bà P có ý kiến như sau:

Bà D và vợ chồng bà P, ông H có mối quan hệ trong làm ăn buôn bán, kinh doanh. Bà P và bà D thường xuyên vay mượn tiền qua lại trong công việc kinh doanh. Năm 2019, việc buôn bán của vợ chồng bà P, ông H gặp khó khăn nên vợ chồng bà P, ông H có vay mượn tiền của bà D nhiều lần với lãi cao: thông thường là 2.500 đồng/01triệu/01ngày, có khi 3.000 đồng/01triệu/01ngày; cá biệt có lúc bà D cho vay 3.500 đồng/01triệu/01 ngày. Tuy nhiên, tại các giấy vay tiền, bà D chỉ ghi là mượn tiền mà không ghi lãi. Tiền lãi được chuyển trả thông qua việc nộp tiền vào tài khoản cá nhân bà D, dịch vụ banking, hoặc bà D cho số

tài khoản của người thân, cũng có khi bà D nhờ người đến tại Công ty của vợ chồng bà P, ông H để nhận tiền mặt.

Cách thức vay là bà P viết giấy mượn tiền xong và ký tên, bà D sẽ chuyển khoản vào tài khoản của bà P hoặc Công ty bà P hoặc một tài khoản khác theo đề nghị của bà P. Đến kỳ thanh toán, nếu chưa có tiền trả lãi và gốc thì cộng dồn bằng giấy mượn tiền khác, bỏ giấy viết lần đầu.

Khoản vay cụ thể như sau:

- Tháng 03/2017, bà P vay của bà D 1.000.000.000 đồng, số tiền này bà P đã trả xong nợ gốc và lãi cho bà D.

- Năm 2018 vợ chồng bà P, ông H mượn tiền bà D qua 05 lần sau:

1/ Ngày 12/02/2018, mượn bà D 1.000.000.000 đồng.

2/ Ngày 05/3/2018, mượn bà D thêm 500.000.000 đồng.

3/ Ngày 26/3/2018, mượn bà D thêm 500.000.000 đồng.

4/ Ngày 11/5/2018, mượn bà D thêm 300.000.000 đồng.

5/ Ngày 24/5/2018, mượn bà D thêm 900.000.000 đồng.

Tổng cộng: 3.200.000.000 đồng.

+ Ngày 16/4/2018, bà P đã trả tiền gốc là 1.100.000.000 đồng. Nhân viên NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T - Nhân viên Công ty T. Hình thức trả tiền: Trả tiền qua tài khoản ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 155954239.

+ Ngày 11/7/2018, bà P đã trả cho bà D 1.900.000.000 đồng; Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P - Nộp Tiền mặt qua tài khoản ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 155954239.

Tổng cộng, số tiền bà P đã trả bà D năm 2018 là 3.000.000.000 đồng.

Chốt sổ năm 2018: Bà P còn nợ bà D tiền gốc 200.000.000 đồng và 2.100.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền cả nợ gốc và lãi là 2.300.000.000 đồng.

- Năm 2019, bà P mượn của bà D, cụ thể như sau:

+ Ngày 01/02/2019, mượn 700.000.000 đồng.

+ Ngày 19/6/2019, mượn 1.900.000.000 đồng.

+ Ngày 05/8/2019, mượn 1.900.000.000 đồng.

+ Ngày 16/9/2019, mượn 500.000.000 đồng.

+ Ngày 11/11/2019, mượn 2.000.000.000 đồng.

+ Ngày 01/12/2019, mượn 900.000.000 đồng.

Tổng số tiền, bà P mượn của bà D năm 2019 là: 7.900.000.000 đồng.

Số tiền bà P đã trả cho bà D trong năm 2019:

+ Ngày 04/4/2019, trả 400.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước. Người thụ hưởng Nguyễn Thị D, số tài khoản: 5609.205.05.97.97.

+ Ngày 24/4/2019, trả 1.700.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T nộp tiền vào tài khoản ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888

+ Ngày 26/6/2019, trả 1.900.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T- Nhân viên Công ty T Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888

Ngày 19/08/2019, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước. Người thụ hưởng Nguyễn Thị D, số tài khoản: 5609.205.05.97.97.

Số tiền bà P đã trả cho bà D trong năm 2020:

+ Ngày 10/02/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 37).

+ Ngày 13/02/2020, trả 400.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ HUY T - Con trai bà P. Nộp tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888.

+ Ngày 17/02/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 39).

+ Ngày 09/3/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 49).

+ Ngày 13/3/2020, trả 200.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 50).

+ Ngày 28/3/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 56).

+ Ngày 06/4/2020, trả 1.000.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ

hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 58, 59).

+ Ngày 13/5/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng SCB Nguyễn Thị P - trang số 3).

+ Ngày 19/5/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 66).

+ Ngày 01/6/2020, trả 900.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, Số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 68).

+ Ngày 03/6/2020, trả 150.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng SCB Nguyễn Thị P - trang số 5).

+ Ngày 09/6/2020, trả 250.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 70).

+ Ngày 25/6/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 74).

+ Ngày 29/6/2020, trả 300.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng SCB Nguyễn Thị P - trang số 7).

+ Ngày 15/7/2020, trả 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (trong sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 77).

Tổng số tiền bà P đã trả cho bà D là 8.100.000.000 đồng (trong đó có 7.900.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền gốc bà P mượn của bà D là 7.900.000.000 đồng, cộng với lãi cộng gộp các khoản từ 2019 đến 15/7/2020 là 4.000.000.000 đồng.

Chốt sổ, bà P còn nợ bà D số tiền lãi là 3.800.000.000 đồng.

Cuối tháng 7/2020, bà P lâm vào cảnh nợ nần. Một số chủ nợ gây áp lực bằng nhiều phương pháp trong đó có Nguyễn Thị Thu H1 và Nguyễn Thùy T1. Bà P năn nỉ bà D để được mượn thêm tiền, bà D ra điều kiện phải viết giấy lại về các khoản nợ lãi trên thì bà D mới cho mượn tiền. Trong tình cảnh như vậy, bà P không còn lựa chọn nào khác buộc phải viết giấy mượn tiền tại 02 giấy ngày 01/8/2020 và hứa khi nào bán được nhà sẽ trả cho bà D, vì vậy giấy không ghi ngày trả nợ. Thực chất 02 giấy mượn tiền này bà P, ông H không nhận được tiền mà là các khoản lãi của: năm 2018 là 2.300.000.000 đồng và khoản lãi năm 2019 đến tháng 7/2020 là 3.800.000.000 đồng.

Đối với các khoản lãi như trình bày ở trên, bà P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật dân sự về cho vay.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bà P và ông H trả số tiền vay là: 10.700.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 18/12/2020 của khoản vay là: 267.500.000 đồng.

Nay, ông H có ý kiến với yêu cầu vụ kiện, cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông H có viết 03 giấy mượn tiền của bà D số tiền vào các ngày: 06/8/2020; 28/8/2020 và 01/8/2020 là: 10.700.000.000 đồng.

- Ông H thừa nhận giấy mượn tiền 02 khoản cùng trong một tờ giấy ngày 06 và 28/8/2020 với tổng số tiền là 4.600.000.000 đồng, là vợ chồng ông H có nhận được tiền thật và có nghĩa vụ phải trả cho bà D.

Tuy nhiên, bà P vợ ông H đã trả cho bà D 105.000.000 đồng ngày 07/8/2020. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản Ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888 (sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 79).

Ngày 18/08/2020, bà P có trả cho bà D 100.000.000 đồng. Người trả tiền: NGUYỄN THỊ P chuyển khoản online vào tài khoản ngân hàng A Bình Phước của người thụ hưởng là NGUYỄN THỊ D, số tài khoản: 6973888888. (Sao kê Ngân hàng A Nguyễn Thị P - trang số 80).

Trong 02 khoản mượn tổng cộng 4.600.000.000 đồng vừa nêu trên, vợ chồng ông H, bà P đã trả cho bà D tổng cộng là 205.000.000 đồng. Hiện còn nợ bà D số tiền: 4.600.000.000 đồng - 205.000.000 đồng = 4.395.000.000 đồng.

- Về khoản vay trong 02 giấy mượn tiền viết ngày 01/8/2020 là do áp lực nợ nần buộc vợ chồng ông H, bà P phải ký. Giấy mượn tiền và ký tên là của ông H nhưng thực chất đó chỉ là khoản lãi của các năm 2018, 2019 và 2020 cộng dồn. Vợ chồng ông H không hề nhận được tiền khoản vay này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 74/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền đã vay theo 03 "Giấy vay tiền" vào các ngày 01, 06 và 28/8/2020 và tiền lãi phát sinh là: 11.999.177.000 đồng (mười một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2022, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: bị đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền vay và lãi suất cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận 02 khoản vay ngày 01/8/2020, thống nhất nợ bà D số tiền 4.600.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 06/8/2020 và ngày 28/8/2020 và cho rằng đã trả 205.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà D. Tuy nhiên, nội dung chuyển khoản lại thể hiện bà P chuyển trả tiền hàng, tiền mua hạt điều, không liên quan đến khoản vay của hai bên. Khoản vay ngày 06/8/2020 và ngày 28/8/2020 thời hạn vay đến ngày 17/9/2020 bị đơn phải có nghĩa vụ trả nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 đến ngày 20/12/2021 với số tiền 577.205.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản vay 6.100.000.000 đồng theo giấy vay ngày 01/8/2020 không có thời hạn vay, bị đơn cho rằng do nguyên đơn ép bị đơn ký nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm là 721.972.000 đồng là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Bình theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn cho rằng có nộp đơn tố cáo nguyên đơn về hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự đối với số tiền nguyên đơn đang khởi kiện bị đơn. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thì được cung cấp thông tin như sau: "*Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp nhận đơn tố cáo của bà P từ tháng 7 năm 2022 và đang trong quá trình điều tra*". Đến ngày 19/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được Công văn số 441/CV-CSĐT-HS ngày 14/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xác định: qua làm việc với bà P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xác định việc vay tiền giữa bà P và bà Nguyễn Thị D xảy ra tại địa bàn tỉnh Bình Phước không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã yêu cầu bà P nộp đơn tố giác đến địa bàn nơi thực hiện việc vay tiền. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản nào của cơ quan chuyên môn xác định khởi tố bà D có hành vi cho vay nặng lãi. Vì vậy, yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ vụ án chờ kết quả điều tra là không có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P yêu cầu trả cho bà D số tiền vay là 10.700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.299.177.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 03 Giấy mượn tiền trong đó có 02 giấy mượn tiền ngày 01/8/2020 (bút lục 05, 06) và Giấy mượn tiền không ghi ngày tháng (bút lục 07). Nội dung các giấy mượn tiền thể hiện: "*Nay ngày 01/08/2020, Tôi tên: Nguyễn Thị P: 1980 (285067715), chồng: Nguyễn Mạnh H:1977, Đc: 89, đường P, Phường H, TP TDM, Bình Dương có mượn của chị Nguyễn Thị D (Bù nho) Số tiền 3.800.000.000đ (Ba tỷ tám trăm triệu đồng) và số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng)*" và "*Nguyễn Thị P, Nguyễn Mạnh H, Đc: 89, đường P, phường H, Bình Dương 1) Ngày 06/08/2020 mượn của chị D bù nho số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), 2) ngày 28/08/2020 mượn của chị D Bù nho Số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Hẹn ngày 17/09/2020 lo trả cho chị D hai khoản tiền trên*".

[2.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền trong 02 giấy mượn tiền ngày 01/8/2020 không phải là nợ gốc mà chỉ là lãi của các khoản vay trước đó đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là hợp đồng mượn tài sản thì không phát sinh lãi, bị đơn mượn bao nhiêu thì chỉ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bấy nhiêu tiền. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện khởi kiện vì đây là hợp đồng không thời hạn nên nguyên đơn phải báo trước cho bị đơn thì mới được khởi kiện nên nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà P và ông H đều thừa nhận các chữ ký và chữ viết bên phía "Người mượn tiền" trong 03 giấy mượn tiền nêu tại mục [2.1] là do bà P và ông H ký và viết ra. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P và ông H cho rằng trong tổng số tiền mượn là 4.600.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ghi ngày 06/8/2020 thể hiện mượn nguyên đơn số tiền 1.600.000.000 đồng và ngày 28/8/2020 mượn 3.000.000.000 đồng, bị đơn chỉ trả được số tiền 205.000.000 đồng và vẫn chưa trả được số tiền 4.395.000.000 đồng cho bà D. Đối với 02 giấy mượn tiền ghi ngày 01/8/2020 với số tiền 3.800.000.000 đồng và 2.300.000.000 đồng thì bị đơn cho rằng bị đơn bị bà D ép ký 02 giấy mượn tiền này, đây không phải là số tiền gốc mà thực chất là số tiền lãi từ các khoản vay vào các năm 2018, 2019 và 2020. Lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không có chứng cứ để chứng minh bị bà D ép buộc ký các giấy mượn tiền ngày 01/8/2020.

[2.4] Xem xét tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp thấy rằng: tại các bản sao kê của ngân hàng (từ bút lục 77 đến bút lục 130) thể hiện bị đơn có chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho nguyên đơn. Tuy nhiên, thời điểm bị đơn chuyển tiền cho nguyên đơn là từ năm 2018 đến ngày 15/7/2020. Từ sau ngày 28/8/2020 (ngày cuối cùng ghi nợ theo giấy mượn tiền), bị đơn không có chứng cứ thể hiện có chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn. Đối với số tiền 205.000.000 đồng có 2 lần chuyển khoản vào số tài khoản bà D gồm: ngày 07/8/2020 số tiền 105.000.000 (trang số 79 - bút lục 79) và ngày 18/8/2020 số tiền 100.000.000 đồng (trang số 80 - bút lục 79), cả 2 lần do Nguyễn Thị P chuyển khoản cho Nguyễn Thị D. Nguyên đơn xác định có sự việc chuyển tiền nêu trên nhưng giao dịch này không liên quan đến tổng số tiền bị đơn mượn của nguyên đơn 10.700.000.000 đồng. Tại Bảng kê giao dịch thể hiện ngày 07/8/2020 tài khoản bà Nguyễn Thị P trừ số tiền 105.000.000 đồng với nội dung *"##IB NGUYEN THI P TRA TIEN MUA DIEU RANG MUOI*" (trang số 79 - bút lục 79) và giao dịch ngày 18/8/2020 tài khoản bà Nguyễn Thị P trừ số tiền 100.000.000 đồng với nội dung "*##IB NGUYEN THI P TRA T HANG*" (trang số 80 - bút lục 79). Như vậy, không có chứng cứ xác định bà P trả số tiền 205.000.000 đồng cho các khoản nợ liên quan đến số tiền nợ 10.700.000.000 đồng như trình bày của bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu xem xét tính lãi: theo nội dung 02 giấy mượn tiền ngày 01/8/2020 với tổng số tiền 6.100.000.000 đồng không ghi thời hạn và lãi suất, do đó giao dịch này là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản cho vay bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay biết trước một thời gian hợp lý. Theo nguyên đơn thì nguyên đơn đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 14/10/2020, nguyên đơn mới khởi kiện vợ chồng bị đơn. Ngày 10/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi trên số tiền 6.100.000.000 đồng nợ gốc từ khi nộp đơn khởi kiện vào ngày 14/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi là 721.972.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng nguyên đơn không báo trước cho bị đơn là chưa đủ điều kiện khởi kiện là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự nêu trên. Đồng thời, đối với số tiền 4.600.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/8/2020 và ngày 28/8/2020 thời hạn trả nợ là ngày 17/9/2020. Đến hết ngày 17/9/2020, vợ chồng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 18/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền 577.205.000 đồng là phù hợp với Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với số tiền 1.299.177.000 đồng là phù hợp. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng hợp đồng ghi là mượn tiền đề nghị Tòa án không tính lãi và đối với khoản tiền 6.100.000.000 đồng là tiền lãi nên không tính lãi chồng lên lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có chứng cứ chứng minh số tiền 6.100.000.000 đồng là tiền lãi nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000857 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2023)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Mai